

TP.HCM ngày 23 tháng 10 năm 2018

Kính Gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH.**

- Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ báo cáo tài chính quý 3 năm 2018 của Công ty CP Văn Hoá Phương Nam.

Công ty Cổ Phần Văn Hoá Phương Nam xin giải trình về nguyên nhân biến động kết quả kinh doanh Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018 riêng và hợp nhất như sau:

➤ **Giải trình nguyên nhân biến động kết quả kinh doanh quý 3/2018 (Riêng)**

CHỈ TIÊU	Quý 3 năm 2018	Quý 3 Năm 2017	Tăng/giảm	Tỷ lệ
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	3,883,133,190	17,902,613,406	(14,019,480,216)	22%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	3,883,133,190	17,902,613,406	(14,019,480,216)	22%
Giá vốn hàng bán	2,144,586,424	9,862,078,263	(7,717,491,839)	22%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,738,546,766	8,040,535,143	(6,301,988,377)	22%
Doanh thu hoạt động tài chính	240,819,804,001	2,078,997,789	238,740,806,212	11583%
Chi phí tài chính	1,433,023,689	4,470,556,493	(3,037,532,804)	32%
Trong đó: Chi phí lãi vay	-	1,691,333,237	(1,691,333,237)	0%
Chi phí bán hàng	-	23,728,694	(23,728,694)	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18,311,655,243	2,696,009,305	15,615,645,938	679%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	222,813,671,835	2,929,238,440	219,884,433,395	7607%
Thu nhập khác	7,240,395	5,774,686	1,465,709	125%
Chi phí khác	159,052,252	202,564,517	(43,512,265)	79%
Lợi nhuận khác	(151,811,857)	(196,789,831)	44,977,974	77%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	222,661,859,978	2,732,448,609	219,929,411,369	8149%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13,681,172,892	-	13,681,172,892	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	208,980,687,086	2,732,448,609	206,248,238,477	1%

Lợi nhuận trước thuế quý 3/2018 có biến động so với cùng kỳ, do một số nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu, lợi nhuận gộp chủ yếu phát sinh từ nội bộ :
 - Doanh thu thực hiện dự án cho hệ thống bán lẻ giảm.
 - Quý 3/2018 không phát sinh doanh thu thương hiệu các công ty con
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng chủ yếu do lãi thoái vốn góp công ty liên kết.
- Chi phí tài chính giảm do không phát sinh lãi vay.
- Chi phí quản lý tăng do phát sinh trích phí dự phòng công nợ phải thu các công ty con.

Từ các nguyên nhân trên làm biến động kết quả kinh doanh của công ty mẹ quý 3/2018.

➤ **Giải trình nguyên nhân biến động Kết quả kinh doanh quý 3/2018 (hợp nhất):**

CHỈ TIÊU	Quý 3 năm 2018	Quý 3 Năm 2017	Tăng/giảm	Tỷ lệ
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	205,159,525,565	179,352,910,038	25,806,615,527	114%
Các khoản giảm trừ doanh thu	4,839,632,139	2,408,904,695	2,430,727,444	201%
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	200,319,893,426	176,944,005,343	23,375,888,083	113%
Giá vốn hàng bán	124,951,990,769	110,496,510,542	14,455,480,227	113%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75,367,902,657	66,447,494,801	8,920,407,856	113%
Doanh thu hoạt động tài chính	144,828,276,126	885,173,853	143,943,102,273	16362%
Chi phí tài chính	784,888,648	1,873,029,880	(1,088,141,232)	42%
Trong đó: Chi phí lãi vay	-	1,691,333,237	(1,691,333,237)	0%
Lãi lỗ công ty liên kết	-	3,288,576,402	(3,288,576,402)	
Chi phí bán hàng	61,436,322,181	53,353,506,084	8,082,816,097	115%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,960,940,340	8,814,634,344	(2,853,694,004)	68%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	152,014,027,614	6,580,074,748	145,433,952,866	4%
Thu nhập khác	287,879,090	398,770,615	(110,891,525)	72%
Chi phí khác	797,514,538	496,227,430	301,287,108	161%
Lợi nhuận khác	(509,635,448)	(97,456,815)	(412,178,633)	523%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	151,504,392,166	6,482,617,933	145,021,774,233	4%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13,681,172,892	-	13,681,172,892	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	179,157,825	284,408,775	(105,250,950)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	137,644,061,449	6,198,209,158	131,445,852,291	5%

Lợi nhuận trước thuế quý 3/2018 có biến động so với cùng kỳ, do các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp tăng so với cùng kỳ 2018 chủ yếu do công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam có doanh số tăng trưởng cao và phát sinh thêm nhà sách mới.
- Doanh thu tài chính tăng so với cùng kỳ do lãi thoái vốn góp công ty liên kết.
- Chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ do không phát sinh lãi vay.
- Chi phí bán hàng chênh lệch so với cùng kỳ chủ yếu phát sinh chi phí các nhà sách mới của Công ty Bán lẻ Phương Nam
- Chi phí khác tăng chủ yếu phát sinh thanh lý tài sản.

Từ các nguyên nhân trên làm biến động kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3/2018

Công ty Cổ Phần Văn Hoá Phương Nam kính gửi đến quý cơ quan nội dung giải trình như trên.
Trân trọng.

CÔNG TY CP VĂN HOÁ PHƯƠNG NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Dặng Bá Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM

Báo cáo hợp nhất
Quý 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Quý 3 Năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		369,475,977,193	297,157,344,590
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		78,847,874,824	12,761,381,404
1. Tiền	111	VI.1	16,847,874,824	9,761,381,404
2. Các khoản tương đương tiền	112		62,000,000,000	3,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33,156,984,185	36,829,537,359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	20,995,171,814	25,111,510,049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9,334,627,429	8,102,496,928
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	10,352,343,317	11,602,709,108
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,269,107,484)	(8,430,819,482)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	1,743,949,109	443,640,756
IV. Hàng tồn kho	140		240,741,278,145	233,204,613,409
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	258,523,176,923	261,281,531,343
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(17,781,898,778)	(28,076,917,934)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,729,840,039	14,361,812,418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	2,899,374,046	2,869,537,691
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,273,319,865	10,938,204,836
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17b	557,146,128	554,069,891
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106,254,844,454	213,525,594,658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19,332,165,437	18,661,375,280
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		948,736,522	1,142,776,522
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	18,383,428,915	17,518,598,758
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		73,405,452,319	68,133,819,089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	73,080,234,541	67,675,590,434
- Nguyên giá	222		159,422,399,806	147,285,849,472
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(86,342,165,265)	(79,610,259,038)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	325,217,778	458,228,655
- Nguyên giá	228		4,184,873,910	4,184,873,910
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,859,656,132)	(3,726,645,255)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	3,338,984	37,604,341
- Nguyên giá	231		4,170,407,110	4,675,201,133

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2018	01/01/2018
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(4,167,068,126)	(4,637,596,792)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,179,210,388	2,455,753,200
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	1,179,210,388	2,455,753,200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3,429,274,630	113,204,147,322
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		929,367,730	110,704,240,422
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,499,906,900	2,499,906,900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8,905,402,696	11,032,895,426
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	6,837,947,352	9,085,200,980
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.22	2,067,455,344	1,947,694,446
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		475,730,821,647	510,682,939,248
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		301,659,128,718	482,025,174,064
I. Nợ ngắn hạn	310		297,082,400,482	477,506,975,828
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.15	238,879,396,243	233,872,472,184
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,283,806,183	1,202,846,671
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	15,301,450,809	3,315,884,351
4. Phải trả người lao động	314		11,317,330,860	13,286,400,286
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	16,131,989,891	29,374,629,536
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20	1,983,506,609	606,189,081
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	11,184,919,887	36,668,553,719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.14a	-	159,180,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,576,728,236	4,518,198,236
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	4,576,728,236	4,518,198,236
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.14b	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174,071,692,929	28,657,765,184
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.23	174,071,692,929	28,657,765,184
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110,402,410,000	110,402,410,000
-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110,402,410,000	110,402,410,000
-Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	24,738,460,046

552
TỶ
JAN
HÓ
NG
-TP.V

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2018	01/01/2018
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,998,733,714	1,998,733,714
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39,548,089,809	(105,865,837,936)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(105,865,837,936)	(105,865,837,936)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		145,413,927,745	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		475,730,821,647	510,682,939,248

Lập biểu



Lê Thị Kim Sa

Kế toán trưởng



Ngày 23 tháng 10 năm 2018

Đại Diện Pháp Luật



Dặng Bá Lùng

AM
CHÍ M

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ PHƯƠNG NAM

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Quý 3 Năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý III/2018	Quý III/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2017
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	7.1	205,159,525,565	179,352,910,038	545,751,847,500	452,156,480,283
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.2	4,839,632,139	2,408,904,695	7,790,063,549	5,009,054,298
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10		200,319,893,426	176,944,005,343	537,961,783,951	447,147,425,985
Giá vốn hàng bán	11	7.3	124,951,990,769	110,496,510,542	328,203,929,904	299,336,361,413
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75,367,902,657	66,447,494,801	209,757,854,047	147,811,064,572
Doanh thu hoạt động tài	21	7.4	144,828,276,126	885,173,853	149,341,487,691	4,494,257,752
Chi phí tài chính	22	7.5	784,888,648	1,873,029,880	6,558,312,929	6,122,364,639
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1,691,333,237	3,344,326,240	5,019,400,095
Lãi lỗ công ty liên kết	24		-	3,288,576,402	15,868,706,864	28,279,725,744
Chi phí bán hàng	25	7.8	61,436,322,181	53,353,506,084	198,807,556,937	146,197,969,879
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.8	5,960,940,340	8,814,634,344	28,281,938,978	24,948,075,311
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		152,014,027,614	6,580,074,748	141,320,239,758	3,316,638,239
Thu nhập khác	31	7.6	287,879,090	398,770,615	20,887,715,564	17,175,590,206
Chi phí khác	32	7.7	797,514,538	496,227,430	3,232,615,583	20,566,529,680
Lợi nhuận khác	40		(509,635,448)	(97,456,815)	17,655,099,981	(3,390,939,474)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		151,504,392,166	6,482,617,933	158,975,339,739	(74,301,235)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13,681,172,892	-	13,681,172,892	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		179,157,825	284,408,775	(119,760,898)	(311,234,911)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		137,644,061,449	6,198,209,158	145,413,927,745	236,933,676
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		137,644,061,449	6,198,209,158	145,413,927,745	236,933,676
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		12,746	574	13,465	(552)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Lập biểu

[Signature]

Lê Thị Kim Sa

Kế toán trưởng

[Signature]

Ông Chu Nga

Ngày 23 tháng 10 năm 2018

Đại Diện Pháp Luật



Dặng Bá Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (HỢP NHẤT)*(Theo phương pháp trực tiếp) (*)***Quý 3 Năm 2018**

Mẫu số B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III/2018	Quý III/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	196,731,234,594	162,440,067,617	523,935,025,693	422,255,512,181
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(172,917,604,214)	(147,218,931,179)	(487,956,391,748)	(380,587,637,718)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(16,304,751,806)	(9,996,414,263)	(40,975,129,922)	(31,351,651,201)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(1,080,485,467)	-	(15,968,877,462)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-	-	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	108,157,810,911	77,569,234,453	317,111,446,170	192,623,065,009
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(157,058,729,911)	(82,194,215,703)	(338,988,645,874)	(218,417,930,464)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42,472,525,893)	599,740,925	(42,842,573,143)	(15,478,642,193)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-	-	(88,965,817)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	1,300,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	(200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	270,000,000,000	-	270,000,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	365,475,103	211,091,859	557,697,762	1,199,893,810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	270,365,475,103	211,091,859	270,558,997,762	910,927,993
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(161,630,000,000)	-	(161,630,000,000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(161,630,000,000)	-	(161,630,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	66,262,949,210	810,832,784	66,086,424,619	(14,567,714,200)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12,584,925,614	22,284,304,386	12,761,381,404	37,662,851,370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	68,801	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	78,847,874,824	23,095,137,170	78,847,874,824	23,095,137,170

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 10 năm 2018

Đại Diện Pháp Luật

Ông Thu Nga

Lê Thị Kim Sa



Dặng Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 11 năm 2017.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực văn hóa.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

4. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con:

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 6

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam		100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam		100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim		100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam		100%	100%
5.	Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam		100%	100%
6.	Công ty TNHH Giải Trí-Truyền Thông Phương Nam		100%	100%

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhãn Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	30,67%	30,67%
(Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết đang tính theo vốn điều lệ, vốn thực góp đến thời điểm hiện nay thấp hơn vốn điều lệ do có cổ đông chưa góp đủ vốn)				
3.	Công ty CP Mega Phương Nam		32,00%	32,00%

<u>STT</u>	<u>Đầu tư khác</u>
	Công ty CP Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018.

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng.

1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- a. Các khoản cho vay;
- b. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
 - Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
- d. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 14 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

36/
ĐƯỢC
CỔ P
VÀ
HƯ
N 11

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Ghi rõ ràng rành mạch theo từng đối tượng

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Hàng tồn kho kê khai thường xuyên

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất (chỉ thuyết minh những phương pháp kế toán có giao dịch phát sinh trong kỳ)

- a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn;
- b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con (thoái đầu tư trong các trường hợp không mất quyền kiểm soát, mất quyền kiểm soát, khi công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ, hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung);
- d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/09/2018	01/01/2018
- Tiền mặt	4,431,000,466	4,433,147,408
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12,416,874,358	5,328,233,996
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	16,847,874,824	9,761,381,404

Chi tiết số dư loại tiền mặt	30/09/2018	01/01/2018
- Trữ sở chính	45,920,208	1,525,719
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	4,294,698,238	4,224,007,699
- Công ty Phương Nam Phim	75,590,510	170,614,000
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	3,149,409	345,409
- Công ty In Phương Nam	4,173,966	7,188,966
- Công ty Sách Phương Nam	5,848,917	29,181,860
- Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	1,619,218	283,755
Cộng	4,431,000,466	4,433,147,408

Chi tiết số dư loại tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30/09/2018	01/01/2018
- Trữ sở chính	2,069,641,648	1,021,351,423
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	9,736,264,741	3,447,885,061
- Công ty Phương Nam Phim	312,843,254	654,083,226
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	10,177,027	4,886,580
- Công ty In Phương Nam	18,996,191	31,819,709
- Công ty Sách Phương Nam	259,235,215	132,710,578
- Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	9,716,282	35,497,419
Cộng	12,416,874,358	5,328,233,996

2. Các khoản đầu tư tài chính	30/09/2018	01/01/2018
- Đầu tư vào công ty con		
Giá gốc	97,126,120,497	97,126,120,497
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	50,000,000,000	50,000,000,000
+ Công ty Phương Nam Phim	18,000,000,000	18,000,000,000
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,230,252,241	8,230,252,241
+ Công ty In Phương Nam	895,868,256	895,868,256
+ Công ty Sách Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
+ Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
Dự phòng	96,295,775,198	90,398,452,710
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	50,000,000,000	44,992,140,672
+ Công ty Phương Nam Phim	18,000,000,000	18,000,000,000
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,038,496,519	7,155,533,576
+ Công ty In Phương Nam	257,278,679	250,778,462
+ Công ty Sách Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
+ Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30/09/2018	01/01/2018
Giá gốc	16,436,000,000	47,121,840,314
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	2,500,000,000	2,500,000,000
+ Công ty CP Mega Phương Nam	4,352,000,000	4,352,000,000
+ Công ty TNHH CJ CGV VN	-	30,685,840,314

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	9,584,000,000	9,584,000,000
	-	-
Dự phòng	15,506,632,270	14,482,084,229
+Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	1,570,632,270	546,084,229
+Công ty CP Mega Phương Nam	4,352,000,000	4,352,000,000
+Công ty TNHH CJ CGV VN	-	-
+Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	9,584,000,000	9,584,000,000
+Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	-	-
	30/09/2018	01/01/2018
Đầu tư khác	2,499,906,900	2,499,906,900
+Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	2,499,906,900	2,499,906,900

-Chưa trích dự phòng bổ sung các Công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo do chưa thu thập báo cáo tài chính của các :

- Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam
- Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam
- Công ty CP Mega Phương Nam

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2018	01/01/2018
+Khách hàng là các bên liên quan		
-Trụ sở chính	1,855,808,696	1,890,066,899
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	14,630,449,009	18,712,286,760
-Công ty Phương Nam Phim	1,571,622,915	1,719,591,650
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,093,438,288	1,151,280,688
-Công ty In Phương Nam	1,003,914,555	1,107,890,427
-Công ty Sách Phương Nam	795,147,516	361,984,567
-Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	44,790,835	168,409,058
Cộng	20,995,171,814	25,111,510,049

4. Phải thu khác

	30/09/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn		
- Ký cược, ký quỹ;	1,212,538,497	1,366,452,429
-Tạm ứng	2,661,956,755	1,858,205,261
- Phải thu khác.	6,477,848,065	8,378,051,418
+ Trụ sở chính	716,336,922	546,711,334
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	4,643,220,921	6,709,856,607
+ Công ty Phương Nam Phim	1,117,201,222	1,119,402,977
+ Công ty Sách Phương Nam	-	2,080,500
Cộng	10,352,343,317	11,602,709,108

b) Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ;	18,383,428,915	17,518,598,758
+ Trụ sở chính	400,000,000	405,000,000
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	17,983,428,915	17,113,598,758
Cộng	18,383,428,915	17,518,598,758

5. Tài sản thiếu chờ xử lý :

	30/09/2018	01/01/2018
a) Tiền;		
Hàng tồn kho;		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	1,743,949,109	443,640,756
Cộng	1,743,949,109	443,640,756

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Hàng tồn kho:	30/09/2018	01/01/2018
a. Giá gốc:		
- Nguyên liệu, vật liệu;	2,801,789,277	5,006,904,828
- Công cụ, dụng cụ;	115,760,000	195,640,000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	4,912,615,245	2,454,066,350
- Thành phẩm;	7,487,642,589	9,756,957,594
- Hàng hóa;	243,205,369,812	243,867,962,571
- Hàng gửi bán;	-	-
Cộng	258,523,176,923	261,281,531,343
b. Dự phòng hàng tồn kho	30/09/2018	01/01/2018
- Hàng hóa;	(17,781,898,778)	(28,076,917,934)
Trong đó:	-	-
+ Trú sở chính	-	-
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	-	5,824,291,272
+ Công ty Phương Nam Phim	2,536,576,655	6,922,626,420
+ Công ty Sách Phương Nam	15,245,322,123	15,330,000,242
+ Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	-	-
8. Tài sản dở dang dài hạn	30/09/2018	01/01/2018
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Trú sở chính	-	2,003,153,200
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	1,179,210,388	452,600,000
Cộng	1,179,210,388	2,455,753,200

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	115,086,393,753	5,207,531,894	2,279,764,510	24,712,159,315	147,285,849,472
- Mua trong năm	20,385,859,090	632,154,967	-	141,815,569	21,159,829,626
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(5,196,687,434)	-	(134,650,000)	(3,691,941,858)	(9,023,279,292)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	130,275,565,409	5,839,686,861	2,145,114,510	21,162,033,026	159,422,399,806
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	54,244,193,123	4,676,341,661	2,290,283,509	18,399,440,745	79,610,259,038
- Khấu hao trong năm	愁い画- ý ý ý ý	192,417,030	-	1,295,327,790	12,611,321,855
- Tăng khác	300,167,951	-	-	-	300,167,951
- Thanh lý, nhượng bán	(2,648,884,904)	-	-	(3,273,390,338)	(5,922,275,242)
- Giảm khác	(122,658,337)	-	(134,650,000)	-	(257,308,337)
Số dư cuối năm	62,896,394,868	4,868,758,691	2,155,633,509	16,421,378,197	86,342,165,265
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	60,842,200,630	531,190,233	(10,518,999)	6,312,718,570	67,675,590,434
- Tại ngày cuối năm	67,379,170,541	970,928,170	(10,518,999)	4,740,654,829	73,080,234,541

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	811,603,151	3,373,270,759	4,184,873,910
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	811,603,151	3,373,270,759	4,184,873,910
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	811,603,151	2,915,042,104	3,726,645,255
- Khấu hao trong năm	-	-	133,010,877	133,010,877
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	811,603,151	3,048,052,981	3,859,656,132
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Tại ngày đầu năm	-	-	458,228,655	458,228,655
- Tại ngày cuối năm	-	-	325,217,778	325,217,778

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Nguyên giá	4,675,201,133	-	504,794,023	4,170,407,110
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4,675,201,133	-	504,794,023	4,170,407,110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	4,637,596,792	34,265,357	504,794,023	4,167,068,126
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	4,637,596,792	34,265,357	504,794,023	4,167,068,126
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	37,604,341	34,265,357	504,794,023	3,338,984
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	37,604,341	34,265,357	-	3,338,984
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước

	30/09/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	209,066,489	247,890,079
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	2,648,104,964	2,560,036,753
- Công ty Phương Nam Phim	19,436,778	26,376,227
- Công ty Sách Phương Nam	22,765,815	35,234,632
Cộng	2,899,374,046	2,869,537,691

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	359,224,072	296,768,174
- Các khoản khác.	2,540,149,974	2,572,769,517
	-	-
b) Dài hạn	30/09/2018	01/01/2018
-Trụ sở chính	204,936,427	287,444,955
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	6,398,933,570	8,432,230,231
-Công ty Phương Nam Phim	32,618,400	57,246,362
-Công ty Sách Phương Nam	187,323,399	202,121,991
-Công ty GT-Truyền Thông Phương Nam	14,135,556	106,157,441
Cộng	6,837,947,352	9,085,200,980
	-	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	3,975,285,629	4,888,895,393
- Các khoản khác	2,862,661,723	4,196,305,587
	-	-
14. Vay và nợ thuê tài chính	30/09/2018	01/01/2018
a) Vay ngắn hạn		
Cross Junction Investment Pte., Ltd	-	研究阿西尔花印书和研理净研林
Cộng	-	159,180,000,000
	-	-
15. Phải trả người bán	30/09/2018	01/01/2018
Các khoản phải trả người bán		
-Trụ sở chính	1,784,469,626	1,966,494,626
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	222,620,147,031	215,551,109,597
-Công ty Phương Nam Phim	5,135,374,160	5,166,675,588
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	24,170,000	92,068,695
-Công ty In Phương Nam	30,908,561	30,908,561
-Công ty Sách Phương Nam	8,697,241,099	10,402,923,751
-Công ty GT-Truyền Thông Phương Nam	587,085,766	662,291,366
Cộng	238,879,396,243	233,872,472,184
	-	-
Các bên liên quan:	40,182,729	40,182,729
-Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	12,170,000	12,170,000
-Công ty mega Phương nam	28,012,729	28,012,729
	-	-
+Trả trước người bán là các bên liên quan		
-Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	2,545,329,604	2,545,329,604
	30/09/2018	01/01/2018
17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng	1,353,744,702	2,697,194,253
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,681,172,892	-
- Thuế thu nhập cá nhân	264,547,615	604,029,249
- Các loại thuế khác	1,985,600	14,660,849
Cộng	15,301,450,809	3,315,884,351
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

b) Phải thu

- Thuế xuất nhập khẩu	-	504,591,639
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	553,938,116	49,478,252
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Các loại thuế khác	3,208,012	0
Cộng	557,146,128	554,069,891

18. Chi phí phải trả

	30/09/2018	01/01/2018
Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	977,370,718	14,307,499,419
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	2,989,405,956	3,063,018,206
- Công ty Phương Nam Phim	11,345,571,306	11,155,158,822
- Công ty Sách Phương Nam	717,744,437	747,055,615
- Công ty TNHH GT-TT Phương Nam	101,897,474	101,897,474
Cộng	16,131,989,891	29,374,629,536

Trong đó:

+ Lãi vay CJ (Trữ sở chính)		13,409,878,056
-----------------------------	--	----------------

19. Phải trả khác

	30/09/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	2,338,555,431	1,791,868,002
- Kinh phí công đoàn;	574,554,707	382,389,541
- Bảo hiểm xã hội;	1,265,152,702	128,490,831
- Bảo hiểm y tế;	8,140,500	-1,089,000
- Bảo hiểm thất nghiệp;	88,633,790	19,541,418
-- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	567,843,360	567,843,360
- Các khoản phải trả khác.	6,342,039,397	33,779,509,567
Cộng	11,184,919,887	36,668,553,719

Các khoản phải trả khác:

+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	567,450	567,450
+ Cty Envoy Media Partners LTD		18,192,000,000
+ Hủy giao dịch bán cổ phiếu CJCGV VN		7,210,000,000
+ Khác		
	6,341,471,947	8,376,942,117
Cộng	6,342,039,397	33,779,509,567

b) Dài hạn:

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4,576,728,236	4,518,198,236
- Phải trả khác	-	-
	4,576,728,236	4,518,198,236

Trong đó

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

+ Trữ sở chính	116,000,000	116,000,000
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	787,588,000	811,588,000
+ Công ty Phương Nam Phim	3,673,140,236	3,590,610,236
Cộng	4,576,728,236	4,518,198,236

20. Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2018	01/01/2018
Ngắn hạn		
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	1,983,506,609	606,189,081
Cộng	1,983,506,609	606,189,081

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

-Trụ sở chính

-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam

	30/09/2018	01/01/2018
	1,952,646,986	1,832,886,088
	114,808,358	114,808,358
Cộng	2,067,455,344	1,947,694,446

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	(39,355,248,205)	95,168,354,915
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước						-
Tăng khác năm trước						-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước					66,510,589,731	66,510,589,731
Giảm khác năm trước						-
Số dư đầu năm nay	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	(105,865,837,936)	28,657,765,184
Tăng vốn trong năm nay						-
Lãi trong năm nay					145,413,927,745	145,413,927,745
Tăng khác năm nay					-	-
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay					-	-
Giảm khác năm nay						-
Số dư cuối năm nay	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,998,733,714	39,548,089,809	174,071,692,929

Cổ phiếu	30/09/2018	01/01/2018
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(240,890)	(240,890)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,799,351	10,799,351
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/ cổ phần		

Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển;	1,998,733,714	1,998,733,714
--------------------------	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/09/2018	01/01/2018
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	2,152,489,893	4,272,478,613
Ngoại tệ các loại	1,150.89	12,061.12

28. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III/2018	Quý III/2017
-Trụ sở chính	786,938,878	831,287,637
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	201,965,792,988	173,894,002,297
-Công ty Phương Nam Phim	800,459,331	3,215,945,831
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	162,536,409	16,723,987
-Công ty In Phương Nam	91,858,516	102,643,488
-Công ty Sách Phương Nam	1,351,939,443	222,767,316
-Công ty GT-Truyền Thông Phương Nam	-	1,069,539,482
Cộng	205,159,525,565	179,352,910,038

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Hàng bán bị trả lại;	4,839,632,139	2,408,904,695
	4,839,632,139	2,408,904,695

Trong đó:

-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	3,641,174,246	2,237,613,916
-Công ty Phương Nam Phim	20,223,429	154,338,699
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	135,205,500	16,723,987
-Công ty Sách Phương Nam	1,043,028,964	228,093
-Công ty GT Truyền Thông Phương Nam		
Cộng	4,839,632,139	2,408,904,695

Doanh thu thuần

	Quý III/2018	Quý III/2017
-Doanh thu cung cấp dịch vụ;	2,704,956,714	4,406,524,925
-Doanh thu hàng hóa	197,614,936,712	170,537,480,418
+ Ngành hàng Sách	77,976,851,543	71,255,999,461
+ Ngành hàng VPP, đồ chơi, lưu niệm,...	113,028,656,913	92,451,852,581
+ Ngành hàng Băng đĩa	984,117,367	1,234,171,631
+ Ngành hàng Book café	5,625,310,889	5,595,456,745
-Doanh thu SX film truyền hình		2,000,000,000
Cộng	200,319,893,426	176,944,005,343

+ Trong đó:

-Trụ sở chính	786,938,878	831,287,637
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	198,324,618,742	171,656,388,381
-Công ty Phương Nam Phim	780,235,902	3,061,607,132
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	27,330,909	-
-Công ty In Phương Nam	91,858,516	102,643,488
-Công ty Sách Phương Nam	308,910,479	222,539,223

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

-Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	-	1,069,539,482
	200,319,893,426	176,944,005,343
3. Giá vốn hàng bán	-	-
-Giá vốn cung cấp dịch vụ;	124,951,990,769	110,496,510,542
-Giá vốn hàng hóa	3,124,838,771	5,595,257,552
+ Ngành hàng Sách	121,635,432,854	103,181,549,000
+ Ngành hàng VPP, đồ chơi, lưu niệm,...	49,165,503,140	41,811,073,751
+ Ngành hàng Băng đĩa	70,059,189,958	59,235,662,333
+ Ngành hàng Book café	405,118,032	25,573,402
+Khác	2,004,458,024	2,109,239,513
-Giá vốn SX film truyền hình	1,163,700	-
-Xử lý hàng tồn	-	1,719,703,990
Cộng	191,719,144	124,951,990,769
	124,951,990,769	110,496,510,542
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý III/2018	Quý III/2017
-Trụ sở chính	144,529,194,736	180,535,931
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	298,149,616	703,857,229
-Công ty Phương Nam Phim	622,047	534,113
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	5,447	25
-Công ty In Phương Nam	35,411	15,978
-Công ty Sách Phương Nam	262,032	180,617
-Công ty GTTruyền Thông Phương Nam	6,837	49,960
Cộng	144,828,276,126	885,173,853
+ Trong đó:	-	-
- Lãi tiền gửi	365,487,387	156,420,594
-Lãi bán các khoản đầu tư;	144,356,420,444	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	158,518	39,000,000
- Chiết khấu thanh toán	106,209,777	687,879,972
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	-	1,873,287
Cộng	144,828,276,126	885,173,853
5. Chi phí tài chính	Quý III/2018	Quý III/2017
-Trụ sở chính	634,433,152	1,691,333,237
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	150,455,496	181,696,643
Cộng	784,888,648	1,873,029,880
+ Trong đó:	-	-
- Lãi tiền vay;	-	1,691,333,237
- Chiết khấu thanh toán	150,394,941	181,696,643
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	634,433,152	-
- Khác	60,555	-
Cộng	784,888,648	1,873,029,880
6. Thu nhập khác	Quý III/2018	Quý III/2017
-Trụ sở chính	150,001	5,774,686
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	259,102,244	356,707,673
-Công ty Phương Nam Phim	235,900	341,100
-Công ty Sách Phương Nam	19,583,672	35,947,155

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

-Công ty TNHH Giải Trí - TT Phương Nam	8,807,273	1
Cộng	287,879,090	398,770,615
	-	-
+ Trong đó:		
-Thanh lý HH, TSCĐ,CCDC	75,418,181	16,133,636
-Tiền phạt thu được	-	3,499,999
-Hỗ trợ khác NCC	1,526,801	321,805,736
-Các khoản khác	41,322,031	21,381,622
-Công nợ không đòi	5,827,880	35,949,622
-Thu nhập bồi thường hàng hư hỏng	163,784,197	-
Cộng	287,879,090	398,770,615
	-	-
7. Chi phí khác	Quý III/2018	Quý III/2017
-Trụ sở chính	151,961,858	202,564,517
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	635,262,730	282,660,329
-Công ty Phương Nam Phim	5,392,783	11,000,000
-Công ty Sách Phương Nam	-	2,584
-Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	4,897,167	-
Cộng	797,514,538	496,227,430
	-	-
- Thanh lý TSCĐ,CCDC,hàng hóa hư	474,889,472	1,305,909
- Các khoản bị phạt;	39,154,786	1,270
- Các khoản khác.	283,470,280	494,920,251
+Xử lý nợ khó đòi	-	64,537,101
+Chi phí thuê mặt bằng	-	264,285,150
+Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	108,000,000	138,000,000
+Chi Thuởng	28,000,000	-
+Trợ cấp gia đình chính sách	1,500,000	1,500,000
+Chi phí thiệt hại hàng hóa hư hỏng	108,821,497	-
+Khác	37,148,783	26,598,000
Cộng	797,514,538	496,227,430
	-	-
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý III/2018	Quý III/2017
Chi phí bán hàng:		
-Trụ sở chính	-	23,728,694
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	61,107,989,588	52,413,253,100
-Công ty Phương Nam Phim	264,765,503	435,945,182
-Công ty Sách Phương Nam	63,567,090	480,579,108
Cộng	61,436,322,181	53,353,506,084
	-	-
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên	22,635,195,360	21,196,746,413
Chi phí vật liệu, bao bì	604,515,679	605,128,884
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1,189,279,367	915,977,705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,362,597,135	3,937,656,339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,790,036,187	20,706,065,433
Chi phí khác bằng tiền.	3,854,698,453	5,991,931,310
Cộng	61,436,322,181	53,353,506,084
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Quý III/2018	Quý III/2017
Chi phí quản lý:		
-Trụ sở chính	2,481,033,930	2,875,042,403
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	2,249,457,040	2,775,949,137
-Công ty Phương Nam Phim	487,107,714	765,488,348
-Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	14,395,549	9,161,000
-Công ty In Phương Nam	3,210,000	190,000
-Công ty Sách Phương Nam	684,198,232	1,901,403,369
-Công ty GT Truyền Thông Phương Nam	41,537,875	487,400,087
Cộng	5,960,940,340	8,814,634,344
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên quản lý	4,673,679,698	3,688,076,875
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	-	59,023,119
Chi phí đồ dùng văn phòng	134,963,528	116,267,389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178,966,272	308,654,039
Thuế , lệ phí	540,000	37,458,392
Dự phòng nợ	79,942,841	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	465,939,217	1,518,149,060
Chi phí khác bằng tiền.	426,908,784	3,087,005,470
Cộng	5,960,940,340	8,814,634,344

IX. Những thông tin khác

3. Thông tin về các bên liên quan

Tên công ty

+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con
+ Công ty GT-TT Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Mega Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết

Số dư công nợ các bên liên quan

Công ty	Quan hệ	Nội dung	Trị giá (VND)
a). Công ty CP VH Phương Nam			
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Công ty con	Phải thu thương mại	59,512,279,383
		Phải trả thương mại	627,079,967
		Phải thu khác	3,316,812,922
		Phải trả khác	356,677,586
		Phải thu tiền vay	68,132,947,244
			-
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con	Phải thu thương mại	4,512,970,684
		Phải thu khác	79,311,124
		Phải thu tiền vay	950,000,000
			-
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con	Phải thu thương mại	-
		Phải thu khác	98,414,519
			-
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con	Phải thu thương mại	-
		Phải thu khác	195,200,340
			-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con	Phải thu thương mại	4,438,721,750
		Phải trả thương mại	2,669,999
		Phải thu khác	14,496,675,844
		Phải thu tiền vay	29,022,783,150
			-
b). Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	Phải thu thương mại	56,711,270
		Phải trả thương mại	59,520,798,815
		Phải thu khác	927,046,283
		Phải trả khác	3,308,293,490
		Phải trả tiền vay	68,132,947,244
			-
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	39,930,000
		Phải trả thương mại	4,261,020,975
			-
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
		Phải trả thương mại	52,275,720
		Phải thu khác	265,258,504
			-
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
			-
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	147,213,000
		Phải trả thương mại	11,222,692,718
		Phải thu khác	78,461,981
		Phải trả khác	3,000,000
			-
c) Công ty TNHH Một TV Phương Nam Phim			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	Phải thu thương mại	-
		Phải trả thương mại	4,512,970,684
		Phải trả khác	79,311,124
		Phải trả tiền vay	950,000,000
			-
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	4,177,038,933
		Phải trả thương mại	39,930,000
		Phải thu khác	83,982,042
			-
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
			-
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
		Phải trả thương mại	220,184,858
			-
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	133,230,012
		Phải trả thương mại	38,065,500
		Phải thu khác	17,538,889
		Phải trả khác	2,105,263
			-
d) Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	Phải thu thương mại	-
		Phải trả khác	98,414,519
			-
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	52,275,720
		Phải trả khác	265,258,504
			-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
e) Công ty In Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	Phải thu thương mại	-
		Phải trả khác	195,200,340
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	220,184,858
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
		Phải trả khác	575,677,848
f) Công ty Sách Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	Phải thu thương mại	2,669,999
		Phải trả thương mại	4,438,721,750
		Phải trả khác	14,496,675,844
		Phải trả tiền vay	29,022,783,150
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	11,222,692,718
		Phải trả thương mại	147,213,000
		Phải thu khác	3,000,000
		Phải trả khác	78,461,981
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	38,065,500
		Phải trả thương mại	133,230,012
		Phải thu khác	2,105,263
		Phải trả khác	17,538,889
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	Phải thu thương mại	-
		Phải trả thương mại	367,752,689
		Phải trả khác	207,925,159
g) Công ty GT-TT Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	Phải thu thương mại	250,470
		Phải trả thương mại	601,448,802
		Phải trả khác	3,545,296,985
		Phải trả tiền vay	17,849,972,365

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
Kỳ kế toán đến 30/09/2017

	Đơn vị tính: triệu đồng								
	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	3,434	432,864	7,833		280	766	1,972		447,147
Giữa các bộ phận	42,455	493	2,794	415	21	17,275		-63,453	
Tổng cộng	45,889	433,357	10,627	415	301	18,041	1,972	-63,453	447,147
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	-5,631	-16,449	-7,909	16	-3	-6,648	-8,164	46,341	1,554
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-5,631	-16,449	-7,909	16	-3	-6,648		46,341	
Thu nhập tài chính	6,521	3,245	552			1		-5,825	4,494
Chi phí tài chính	36,805	3,303				2,156	1,311	36,141	6,122
Thu nhập từ công ty liên kết	28,280								28,280
Lợi nhuận sau thuế	-35,914	-16,506	-7,357	16	-3	-8,803	-9,475	78,280	237
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-35,914	-16,506	-7,357	16	-3	-8,803	-9,475	78,280	237
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	-35,914	-16,506	-7,357	16	-3	-8,803	-9,475	78,280	237
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	221,866	342,372	27,150	2,149	939	57,223	4,086	-70	585,908
Công ty liên kết									
Tài sản không phân bổ									
Tổng tài sản hợp nhất	221,866	342,372	27,150	2,149	939	57,223	4,086	-70	585,908
Nợ phải trả của bộ phận	207,295	320,726	24,183	678	198	59,953	21,595	-144,124	490,503
Nợ phải trả không phân bổ	5,556	73,914	3,827	432	80	39,890	20,426	144,124	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	201,739	246,811	20,356	246	118	20,064	1,169		490,503
Chi phí mua sắm tài sản		2,275				32		-1,062	1,245
Chi phí khấu hao	505	8,687	21	29		52	128	-574	8,848

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Kỳ kế toán đến 30/09/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	2,356	529,280	4,281	27	232	1,785			537,962
Giữa các bộ phận	47,194	467	1,801	56	19	15,595		-65,132	
Tổng cộng	49,550	529,747	6,083	83	250	17,380		-65,132	537,962
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	-4,687	-10,090	-735	-883	-7	916	-214	31,891	16,192
Chi phí không phân bổ									
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-4,687	-10,090	-735	-883	-7	916	-214	31,891	16,192
Thu nhập tài chính	244,479	4,630	153			1		-99,920	149,341
Chi phí tài chính	12,832	2,706				1,999	885	10,979	6,558
Thu nhập từ công ty liên kết	15,868								15,868
Thuế thu nhập doanh nghiệp									
Lợi nhuận sau thuế	213,279	-8,166	-583	-883	-7	-1,082	-1,100	-56,045	145,414
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	213,279	-8,166	-583	-883	-7	-1,082	-1,100	-56,045	145,414
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	213,279	-8,166	-583	-883	-7	-1,082	-1,100	-56,045	145,414
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	218,701	393,735	22,215	632	882	34,776	544	-196	475,731
Tổng tài sản hợp nhất	218,701	393,735	22,215	632	882	34,776	544	-196	475,731
Nợ phải trả của bộ phận	19,902	396,893	26,431	441	243	59,827	22,748	-224,826	301,659
Nợ phải trả không phân bổ	986	146,501	5,843	364	195	48,940	21,997	224,826	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	18,915	250,392	20,589	77	48	10,886	751		301,659
Chi phí mua sắm tài sản	42	23,438						-2,320	21,160
	241	13,858				8	24	-1,353	12,779
Chi phí khấu hao									

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin so sánh	30/09/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78,847,874,824	12,761,381,404
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49,730,944,046	54,232,817,915
Khoản đầu tư tài chính	-	-
Tài sản tài chính khác	19,595,967,412	18,885,051,187
Tổng cộng	148,174,786,282	85,879,250,506
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	159,180,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	254,641,044,366	275,059,224,139
Chi phí phải trả	16,131,989,891	29,374,629,536
Tổng cộng	270,773,034,257	463,613,853,675

Lập biểu



Lê Thị Kim Sa

Kế toán trưởng


 Ông Chu Nga

Ngày 23 tháng 10 năm 2018

Đại Diện Pháp Luật



Dặng Bá Hùng

